

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày: 13-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây

Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1998; tại Bến Tre. Nơi cư trú: ấp ĐG B, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B T, sinh năm 1975 và bà Trần Thị T, sinh năm 1975; Chồng: Trần Thanh Nh, sinh năm 1992, hiện tại đã ly hôn. Đang sống chung như vợ chồng với ông Huỳnh Văn L, sinh ngày 20/4/1992, cư trú ấp AC, xã TM, huyện CTh, tỉnh Trà Vinh. Con: Trần Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2015; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị khởi tố ngày 07/6/2020 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng Tiêng, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CC, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AC, xã TM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số 52/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc M về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Vào lúc 21 giờ 20 phút ngày 04/6/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện Trà Cú kết hợp đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Trà Cú kiểm tra việc đăng ký tạm trú tại nhà nghỉ TT do bà Nguyễn Thị T, cư trú ấp CC, xã PH, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh làm chủ. Quá trình kiểm tra tại phòng số 03 của nhà nghỉ TT do bị cáo Trần Thị Ngọc M và anh Huỳnh Văn L, sinh ngày 20/4/1992, cư trú tại ấp AC, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh đang thuê mướn, phát hiện trên nền gạch dưới nệm có 05 (năm) bịch nhựa được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt. Bị cáo M trình bày toàn bộ chất tinh thể trên là ma túy, loại ma túy đá là của bị cáo M cất giấu dưới nệm nhằm mục đích để sử dụng nhưng chưa sử dụng thì bị phát hiện. Công an huyện Trà Cú tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Trần Thị Ngọc M. Đồng thời, cơ quan công an còn tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 03, kết quả không thu giữ được gì.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 192/KLGĐ ngày 07/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, được niêm phong ký hiệu: A1 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0764 gam.

- 01 bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, được niêm phong ký hiệu: A2 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0699 gam.

- 01 bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, được niêm phong ký hiệu: A3 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0645 gam.

- 01 bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, được niêm phong ký hiệu: A4 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0844 gam.

- 01 bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, được niêm phong ký hiệu: A5 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1930 gam.

Tổng khối lượng ma túy là: 0,4882 gam.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Trần Thị Ngọc M trình bày do bị cáo M nhắn tin thông qua mạng Zalo nhờ một người tên thường gọi trên mạng Zalo là “Cướp Biển” liên hệ với người đàn ông tên thường gọi là S không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể để mua ma túy số tiền là 2.000.000 đồng. Sau đó bị cáo M nhắn tin nhờ Cướp Biển liên hệ người xe ôm khoảng 50 tuổi không rõ họ tên và địa chỉ chở bị cáo lên khu vực thuộc phường 9, thành phố Trà Vinh để mua ma túy, sau khi mua ma túy về bị cáo cất giấu dưới nệm thì bị phát hiện.

Về việc tạm giữ và xử lý vật chứng có liên quan trong vụ án: Đối với số ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định thu giữ, niêm phong và gửi giám định. Quá trình giám định đã sử dụng 0,1798

gam, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú khối lượng 0,3084 gam.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ngọc M khai: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” ; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã PH quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo là phụ nữ đang mang thai, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo và phải nuôi con nhỏ (sinh năm 2015). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc giáo dục con của bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Ngọc M nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 04/6/2020, căn cứ vào vật chứng thu giữ được tại hiện trường và căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 192/KLGD ngày 07/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh thì có cơ sở xác định 05 bịch nhựa niêm phong màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt thu giữ tại hiện trường của bị cáo Trần Thị Ngọc M vào ngày 04/6/2020 tại phòng số 3 nhà trọ TT thuộc ấp CC, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4882 gam.

Tại phiên tòa, bị cáo khai việc mua ma túy về phòng trọ cất giấu nhằm mục đích sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

năm 2015: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”: c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam. Như vậy, hành vi tàng trữ trái phép 0,4882 gam ma túy loại Methamphetamine của bị cáo Trần Thị Ngọc M để nhằm mục đích sử dụng nên bị cáo M đã phạm vào tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi đó. Việc bị cáo trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy còn góp phần tạo ra một lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống cũng như ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhằm để giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là phụ nữ có thai, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo còn phải nuôi 01 người con nhỏ sinh năm 2015. Vì vậy, Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nói trên quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy: Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 01 đến 05 năm; bị cáo có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú ổn định và rõ ràng; có khả năng tự cải tạo tại gia đình và địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe và cũng thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta, đồng thời tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa hành vi sai trái, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[4] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ được là 0,4882 gam, quá trình giám định đã sử dụng 0,1798 gam còn lại khối lượng 0,3084 gam.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp

án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, khối lượng 0,0571 gam được để trong phong bì niêm phong số 192/MA1 ngày 07/6/2020.

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, khối lượng 0,0408 gam được để trong phong bì niêm phong số 192/MA2 ngày 07/6/2020.

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, khối lượng 0,0435 gam được để trong phong bì niêm phong số 193/MA3 ngày 07/6/2020.

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, khối lượng 0,0578 gam được để trong phong bì niêm phong số 194/MA4 ngày 07/6/2020.

- 01 (một) bịch nhựa được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể trong suốt, khối lượng 0,1092 gam được để trong phong bì niêm phong số 195/MA5 ngày 07/6/2020.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a

khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- UBND xã PH;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên